

DEBIT NOTE-CTY TNHH MTV TM VÀ DV NGỌC THƠM -CK 2026-Tạm tính đến 31/08/2026

| LS1474                                                    | ĐVT   | Số tiền chưa bao gồm vat | Thuế GTGT | Số tiền bao gồm vat | ĐÃ XUẤT HÓA ĐƠN |                   |         |           | CHƯA XUẤT HÓA ĐƠN |                          |        |           |
|-----------------------------------------------------------|-------|--------------------------|-----------|---------------------|-----------------|-------------------|---------|-----------|-------------------|--------------------------|--------|-----------|
| Total Doanh số                                            | VND   | 92,947,926               | 7,435,834 | 100,383,760         |                 |                   |         |           |                   |                          |        |           |
| +Từ tháng 01/2026-07/2026                                 | VND   | 79,491,973               | 6,359,356 | 85,851,329          | NET             | TS                | VAT     | Gross     | NET               | TS                       | VAT    | Gross     |
| +Doanh số tháng 08/2026                                   | VND   | 13,455,953               | 1,076,478 | 14,532,431          |                 |                   |         |           |                   |                          |        |           |
| Chiết khấu có điều kiện theo năm                          | 0.00% | 0                        | 0         | 0                   |                 |                   |         |           |                   |                          |        |           |
| Chiết khấu không điều kiện theo năm                       | 4.25% | 3,950,287                | 316,023   | 4,266,310           | 3,005,507       | 8%                | 240,440 | 3,245,947 | 944,780           | 8%                       | 75,583 | 1,020,363 |
| Chiết khấu theo CTKM riêng                                | VND   | 0                        | 0         | 0                   |                 |                   |         |           |                   |                          |        |           |
| Thường thanh toán đúng hạn                                | 0.00% | 0                        | 0         | 0                   | Phiếu thu       |                   |         |           | Phiếu thu         |                          |        |           |
| Phạt thanh toán trễ hạn                                   | 0.00% | 0                        | 0         | 0                   |                 |                   |         |           |                   |                          |        |           |
| Phí hỗ trợ hao hụt                                        | 0.00% | 0                        | 0         | 0                   |                 |                   |         |           |                   |                          |        |           |
| Phí Marketing theo phụ lục riêng                          | 0.00% | 0                        | 0         | 0                   |                 |                   |         |           |                   |                          |        |           |
| Phí Catalogue theo phụ lục riêng                          | 0.00% | 0                        | 0         | 0                   |                 |                   |         |           |                   |                          |        |           |
| Phí hỗ trợ quảng cáo                                      | 0.00% | 0                        | 0         | 0                   |                 |                   |         |           |                   |                          |        |           |
| Phí hỗ trợ sự kiện đặc biệt                               | 0.00% | 0                        | 0         | 0                   |                 |                   |         |           |                   |                          |        |           |
| Phí hỗ trợ sự kiện trực tuyến                             | 0.00% | 0                        | 0         | 0                   |                 |                   |         |           |                   |                          |        |           |
| Phí hỗ trợ thẻ khách hàng                                 | 0.00% | 0                        | 0         | 0                   |                 |                   |         |           |                   |                          |        |           |
| Phí hỗ trợ trưng bày                                      | 2.00% | 1,858,958                | 148,716   | 2,007,674           | 1,589,839       | 8%                | 127,187 | 1,717,026 | 269,119           | 8%                       | 21,529 | 290,648   |
| Phí hỗ trợ khuyến mãi                                     | 0.00% | 0                        | 0         | 0                   |                 |                   |         |           |                   |                          |        |           |
| Phí hỗ trợ sản phẩm chủ lực                               | 0.00% | 0                        | 0         | 0                   |                 |                   |         |           |                   |                          |        |           |
| Phí hỗ trợ khai trương                                    | 0.00% | 0                        | 0         | 0                   |                 |                   |         |           |                   |                          |        |           |
| Phí hỗ trợ Tết                                            | 0.00% | 0                        | 0         | 0                   |                 |                   |         |           |                   |                          |        |           |
| Phí hỗ trợ tất niên                                       | 0.00% | 0                        | 0         | 0                   |                 |                   |         |           |                   |                          |        |           |
| Phí hỗ trợ sự kiện sinh nhật                              | 0.00% | 0                        | 0         | 0                   |                 |                   |         |           |                   |                          |        |           |
| PG, chia sẻ dữ liệu, hỗ trợ bán hàng trên website, hỗ trợ | 0.00% | 0                        | 0         | 0                   |                 |                   |         |           |                   |                          |        |           |
| Phí Catalogue                                             | 0.00% | 0                        | 0         | 0                   |                 |                   |         |           |                   |                          |        |           |
| Phí mở mã mới & quản lý mã hàng                           | 0 SKU | 0                        | 0         | 0                   |                 |                   |         |           |                   |                          |        |           |
| Tổng chiết khấu phát sinh từ 01/01/26-31/08/26            |       | 5,809,245                | 464,739   | 6,273,984           | 4,595,346       |                   | 367,627 | 4,962,973 | 1,213,899         |                          | 97,112 | 1,311,011 |
| Đã thu/Đã cần trừ đến 15/09/26                            |       |                          | 4,773,453 |                     | 3,005,507       | CKTM<br>XUAT HD R | 240,440 | 3,245,947 | 944,780           | CKTM-NCC<br>CHUA XUAT HD | 75,583 | 1,020,363 |
| Còn phải cần trừ đến 15/09/26                             |       |                          | 1,500,531 |                     | 1,589,839       | PHI<br>XUAT HD R  | 127,187 | 1,717,026 | 269,119           | CHUA XUAT HD             | 21,529 | 290,648   |